

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Hà Nội - Tháng 03 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (viết tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội, tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29/03/2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24/07/2018.

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **HFC PETROLEUM CORPORATION** (Tên viết tắt là **HFC., CORP**)

Trụ sở chính của Công ty tại: **Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam.**

Công ty con được hợp nhất

Các Công ty con của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC được hợp nhất trong năm bao gồm:

- Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC;
- Công ty TNHH Dịch vụ HFC.

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với mã số doanh nghiệp: 01066665780 được cấp lần đầu ngày 14/10/2014. Công ty có trụ sở tại Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tổng vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC chiếm 89,2% vốn.

Công ty TNHH Dịch vụ HFC là Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp: 0107453436 cấp lần đầu ngày 30/05/2016, thay đổi lần thứ 2 ngày 18/12/2018. Công ty có trụ sở tại Số 07 Dã Tượng, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tổng vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng, Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC chiếm 100% vốn.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Trọng Hậu	Chủ tịch HĐQT
	Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	Thành viên
	Ông Nguyễn Phi Thái	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Trọng Hậu	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Phi Thái	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Phan Thị Thùy Dương	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Trọng Hậu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Số: 331/2019/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC, được lập ngày 28/03/2019, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phan Thanh Nam**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Ngọc Khánh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2999-2019-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		243.726.065.544	228.551.366.760
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	21.990.604.423	27.194.869.973
1. Tiền	111		21.990.604.423	27.194.869.973
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		205.403.886.682	185.721.441.515
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	192.269.276.325	178.626.346.296
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	5.637.271.510	2.938.860.714
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	7.497.338.848	4.156.234.505
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	14.660.599.865	13.610.887.225
1. Hàng tồn kho	141		14.660.599.865	13.610.887.225
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.670.974.574	2.024.168.047
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	1.670.836.087	1.898.036.075
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	94.364.032
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		138.487	31.767.940
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		105.212.228.278	103.767.137.270
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.480.000	3.770.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		7.480.000	3.770.000
II. Tài sản cố định	220		59.329.195.023	48.456.658.501
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	52.023.078.092	40.696.737.206
- Nguyên giá	222		76.182.623.288	57.809.793.584
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.159.545.196)	(17.113.056.378)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	7.306.116.931	7.759.921.295
- Nguyên giá	228		10.637.756.591	10.637.756.591
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.331.639.660)	(2.877.835.296)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.9	2.757.968.109	2.904.533.685
1. Nguyên giá	231		5.274.649.746	5.274.649.746
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.516.681.637)	(2.370.116.061)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		21.309.733.941	27.387.684.940
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	21.309.733.941	27.387.684.940
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	3.148.000.000	3.148.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.965.537.150	4.965.537.150
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.817.537.150)	(1.817.537.150)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18.659.851.205	21.866.490.144
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	18.659.851.205	21.866.490.144
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		348.938.293.822	332.318.504.030

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		283.674.633.748	268.309.733.272
I. Nợ ngắn hạn	310		276.357.734.432	260.667.683.272
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	85.649.678.230	34.222.623.831
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	197.442.049	180.305.107
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	1.698.783.120	631.320.463
4. Phải trả người lao động	314		6.541.530.624	4.061.396.657
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	654.504.402	825.003.447
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		65.000.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	4.963.007.959	8.107.787.002
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	175.900.000.000	212.000.330.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		687.788.048	638.916.765
II. Nợ dài hạn	330		7.316.899.316	7.642.050.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	2.131.441.316	869.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	5.185.458.000	6.773.050.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		65.263.660.074	64.008.770.758
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	65.263.660.074	64.008.770.758
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.899.990.000	60.899.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.899.990.000	60.899.990.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.247.725.953	999.054.671
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.580.424.417	1.568.897.894
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		569.136.347	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.011.288.070	1.568.897.894
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		535.519.704	540.828.193
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		348.938.293.822	332.318.504.030

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Lan

Kế toán trưởng



Phạm Thị Liên Hương

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Hậu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	2.279.057.465.606	1.908.552.613.350
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		2.279.057.465.606	1.908.552.613.350
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	2.168.940.207.636	1.819.487.691.376
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		110.117.257.970	89.064.921.974
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	18.355.869	21.237.675
7. Chi phí tài chính	22	5.22	13.298.308.026	13.211.109.330
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.079.297.662	11.042.657.928
8. Chi phí bán hàng	25		50.085.185.963	38.029.824.067
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		39.419.099.085	31.910.181.386
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.333.020.766	5.935.044.866
{30 = 20 + (21-22) + 24 - (25+26)}				
11. Thu nhập khác	31	5.23	279.980.738	666.008.174
12. Chi phí khác	32	5.23	833.265.540	1.755.192.661
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5,23	(553.284.801)	(1.089.184.487)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		6.779.735.964	4.845.860.379
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5,24	2.381.175.365	1.071.004.652
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		4.398.560.599	3.774.855.727
18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		4.403.869.088	3.774.300.495
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(5.308.489)	555.232
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5,25	682,30	660,66

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Lan

Kế toán trưởng



Phạm Thị Liên Hương

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Hậu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.779.735.964	4.845.860.379
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	7.646.858.758	6.479.144.720
- Các khoản dự phòng	03	-	1.180.500.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18.355.869)	(21.237.675)
- Chi phí lãi vay	06	12.079.297.662	11.042.657.928
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		26.487.536.515	23.526.925.352
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(19.469.524.971)	(32.898.271.010)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.049.712.640)	(1.027.655.129)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	50.409.854.328	(31.508.407.912)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.614.853.441)	(5.346.324.511)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(11.846.282.700)	(10.257.100.297)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	1.916.496.688	(1.252.838.878)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	42.833.513.779	(58.763.672.385)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(16.914.643.198)	(22.673.544.345)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ khác	23	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.355.869	21.237.675
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(16.896.287.329)	(22.652.306.670)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	39.899.990.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	890.998.600.000	852.500.330.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(916.686.192.000)	(785.323.092.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.453.900.000)	(14.447.768.206)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(31.141.492.000)	92.629.459.794
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(5.204.265.550)	11.213.480.739
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	27.194.869.973	15.981.389.234
<i>Ảnh hưởng của thay đổi TGHD quy đổi ngoại tệ</i>	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	21.990.604.423	27.194.869.973

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Lan

Kế toán trưởng



Phạm Thị Liên Hương

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Hậu

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (viết tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội, tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29/03/2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24/07/2018.

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HFC PETROLEUM CORPORATION, (viết tắt là HFC., CORP).

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 60.899.990.000 đồng.

Sở hữu vốn tại 31/12/2018:

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp đến	Tỷ lệ %
		31/12/2018 (VND)	sở hữu
Công ty Xăng dầu Khu vực I	897.750	8.977.500.000	14,7%
Ông Nguyễn Trọng Hậu	563.481	5.634.810.000	9,3%
Các cổ đông khác	4.628.768	46.287.680.000	76,0%
Cộng	6.089.999	60.899.990.000	100%

1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết:
 - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
 - Bán buôn dầu thô;
 - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan:
 - + Bán buôn xăng dầu đã tinh chế: xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa
 - + Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác;
 - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh
- Vận tải hàng hóa đường bộ
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Cho thuê văn phòng.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...)
- Dịch vụ ăn uống khác.
- Dịch vụ phục vụ đồ uống
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết:
 - Khách sạn;
 - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
 - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
 - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự

1.2 Ngành nghề kinh doanh (Tiếp theo)

- Hoạt động của các cơ sở thể thao
 - Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao
 - Hoạt động thể thao khác
 - Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề
 - Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu
 - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết:
 - Bán buôn hàng gốm sứ, thủy tinh;
 - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
 - Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.
 - Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác.
 - Bán buôn thực phẩm
 - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
 - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
 - Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
Chi tiết:
 - Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác: săm, lốp, ốc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác.
 - Bán lẻ phụ tùng các bộ phận phụ trợ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống): săm, lốp, ốc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác.
 - Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Hoạt động chính của Công ty trong năm: kinh doanh xăng dầu nhiên liệu.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có công ty con như sau:

<u>Đơn vị trực thuộc</u>	<u>Hoạt động chính</u>	<u>Hình thức kế toán</u>	
Chi nhánh Công ty CP Xăng dầu HFC tại Thái Nguyên	Kinh doanh xăng dầu	Hạch toán phụ thuộc	
Chi nhánh Công ty CP Xăng dầu HFC tại Nghệ An	Kinh doanh xăng dầu	Hạch toán phụ thuộc	
Chi nhánh Công ty CP Xăng dầu HFC tại Hải Phòng	Kinh doanh xăng dầu	Hạch toán phụ thuộc	
<u>Công ty con</u>	<u>Hoạt động chính</u>	<u>Tỷ lệ % góp vốn</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Vận chuyển xăng dầu	89,20%	89,20%
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Kinh doanh ăn uống	100,00%	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC, Công ty con là: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC và Công ty TNHH Dịch vụ HFC.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018 tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí gia dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không ký hạn) và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Công ty không trích lập là do không có giảm giá hàng tồn kho.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và thông tư số 147/2016/TT- BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2018 (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Phần mềm quản lý hệ thống	05
Quyền sử dụng đất	50

Tài sản cố định vô hình là giá trị Quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm quản lý hệ thống được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Tổng Công ty Vận tải Hà Nội, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh xăng dầu, vận chuyển đường bộ và lĩnh vực khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	9.992.390.071	9.151.849.532
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.998.214.352	18.043.020.441
Cộng	21.990.604.423	27.194.869.973

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
XN xe buýt Hà Nội - CN TCT Vận tải Hà Nội	18.840.280.237	17.031.233.116
XN xe buýt Thăng Long Hà Nội	7.934.536.084	4.235.779.731
XN xe buýt 10-10 Hà Nội	4.256.342.542	7.225.616.688
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	7.351.820.494	6.588.580.678
Công ty CP xe khách Hà Nội	7.459.672.240	6.148.851.310
XN xe buýt Cầu Bươu - CN TCT Vận tải Hà Nội	8.592.978.897	10.889.624.766
Công ty CP Đầu tư XNK Trịnh Gia	4.130.670.609	4.200.670.609
Công ty CP Vận tải xăng dầu Quý An	2.016.414.100	2.047.899.126
Công ty CP Thương mại Việt Nga	2.624.366.985	2.659.317.605
Phải thu các khách hàng khác	129.062.194.137	117.598.772.667
Cộng	192.269.276.325	178.626.346.296
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan	7.459.672.240	6.148.851.310
Công ty CP Xe khách Hà Nội	7.459.672.240	6.148.851.310

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31.12.2018 VND	01.01.2018 VND
Công ty CP Thiết bị xăng dầu Petrolimex	-	912.395.440
Công ty CP ĐTXD và TM Công Năng	-	700.000.000
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng 116	1.950.000.000	-
Công ty TNHH Xây Dựng Hoàng Huy Hải Phòng	1.800.000.000	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	1.887.271.510	1.326.465.274
Cộng	5.637.271.510	2.938.860.714

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tạm ứng	5.315.854.306	2.580.572.891
Phải thu khác	2.181.484.542	1.575.661.614
Cộng	7.497.338.848	4.156.234.505

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.5 Hàng tồn kho

	31.12.2018 VND	01.01.2018 VND
Nguyên vật liệu	169.530.581	224.037.277
Công cụ, dụng cụ	1.493.649.833	1.987.007.059
Hàng hóa	12.997.419.451	11.399.842.889
Cộng	14.660.599.865	13.610.887.225

5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn	1.670.836.087	1.898.036.075
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.670.836.087	1.698.036.087
Chi phí thuê đất trạm cấp Yên Phong - Thái Nguyên	-	199.999.988
b) Dài hạn	18.659.851.205	21.866.490.144
Chi phí thuê tài sản gắn liền trên đất tại cửa hàng Cầu Cắm, Nghệ An và các chi phí khác	1.839.582.810	3.261.818.160
Chi phí sửa chữa các cửa hàng và công cụ, dụng cụ	6.355.597.877	6.112.319.861
Chi phí thuê tại các cửa hàng xăng dầu Thái Nguyên	189.046.789	1.753.997.662
Chi phí thuê, đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu tại Hải Phòng và các chi phí khác	10.275.623.729	10.738.354.461
Cộng	20.330.687.292	23.764.526.219

5.7 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư ngày 01/01/2018	23.984.659.773	13.323.205.812	17.279.811.363	3.222.116.636	57.809.793.584
- Mua sắm, đầu tư XIDCB	11.463.424.613	3.961.536.000	2.436.901.817	510.967.274	18.372.829.704
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2018	35.448.084.386	17.284.741.812	19.716.713.180	3.733.083.910	76.182.623.288
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư ngày 01/01/2018	5.038.563.468	5.069.436.622	5.542.912.470	1.462.143.818	17.113.056.378
- Khấu hao trong năm	1.872.991.484	2.039.696.017	2.605.262.261	528.539.057	7.046.488.819
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2018	6.911.554.952	7.109.132.639	8.148.174.732	1.990.682.875	24.159.545.196
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư ngày 01/01/2018	18.946.096.305	8.253.769.190	11.736.898.893	1.759.972.818	40.696.737.206
Số dư ngày 31/12/2018	28.536.529.434	10.175.609.173	11.568.538.448	1.742.401.035	52.023.078.092

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư ngày 01/01/2018	8.975.572.591	1.610.884.000	51.300.000	10.637.756.591
- Mua trong năm				-
- Thanh lý, nhượng bán				-
Số dư ngày 31/12/2018	8.975.572.591	1.610.884.000	51.300.000	10.637.756.591
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư ngày 01/01/2018	1.794.930.591	1.041.864.705	41.040.000	2.877.835.296
- Khấu hao trong năm	179.508.000	264.036.364	10.260.000	453.804.364
- Thanh lý, nhượng bán				-
Số dư ngày 31/12/2018	1.974.438.591	1.305.901.069	51.300.000	3.331.639.660
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư ngày 01/01/2018	7.180.642.000	569.019.295	10.260.000	7.759.921.295
Số dư ngày 31/12/2018	7.001.134.000	304.982.931	-	7.306.116.931

Quyền sử dụng đất gồm:

Đất tại số 7 phố Dã Tượng, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Vị trí: Thửa đất số: số 2, tờ bản đồ số 00, Diện tích: 112 m², Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 28/01/2008, Mục đích: Thực hiện Dự án xây dựng Cửa hàng kinh doanh và Văn phòng cho thuê (Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh), Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này được cấp theo Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 24/02/20009 của UBND Thành phố Hà Nội

Đất tại số 1 phố Thi Sách, phường Ngô Thì Nhậm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Vị trí: Thửa đất số: số 2, tờ bản đồ số 00, Diện tích: 72,7 m², Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 11/12/2007, Mục đích: Thực hiện Dự án xây dựng Văn phòng kết hợp dịch vụ (Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh), Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này được cấp theo Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 24/02/20009 của UBND Thành phố Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.9 Bất động sản đầu tư*Đơn vị tính: VND*

Bất động sản đầu tư cho thuê	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
NGUYỄN GIÁ	5.274.649.746	-	-	5.274.649.746
Văn phòng Số 233 Khâm Thiên	311.379.600	-	-	311.379.600
Nhà 63 Tô Hiến Thành	666.654.200	-	-	666.654.200
VP 456 Trần Khát Chân	1.737.952.455	-	-	1.737.952.455
Nhà 6 tầng số 1 Thi Sách	2.139.473.836	-	-	2.139.473.836
Quầy Kios	419.189.655	-	-	419.189.655
GIÁ TRỊ HAO MÒN	2.370.116.061	146.565.576	-	2.516.681.637
Văn phòng No 233 Khâm Thiên	311.379.600	-	-	311.379.600
Nhà 63 Tô Hiến Thành	581.303.265	28.450.308	-	609.753.573
VP 456 Trần Khát Chân	820.524.201	70.571.400	-	891.095.601
Nhà 6 tầng số 1 Thi Sách	237.719.340	47.543.868	-	285.263.208
Quầy Kios	419.189.655	-	-	419.189.655
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	2.904.533.685	-	-	2.757.968.109
Văn phòng Số 233 Khâm Thiên	-	-	-	-
Nhà 63 Tô Hiến Thành	85.350.935	-	-	56.900.627
VP 456 Trần Khát Chân	917.428.254	-	-	846.856.854
Nhà 6 tầng số 1 Thi Sách	1.901.754.496	-	-	1.854.210.628
Quầy Kios	-	-	-	-

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Nội dung	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Cửa hàng XD Mai Dịch 1	-	5.448.884.522
Cửa hàng XD Mai Dịch 2	-	1.819.621.679
Dự án 63 Tô Hiến Thành	1.248.576.767	-
Dự án Dã Tượng	10.033.832.215	9.928.553.522
Dự án số 1 Đông Tác	280.548.714	280.548.714
Dự án 233 Khâm Thiên	646.986.042	646.986.042
Dự án 17 Hồng Mai	478.501.271	478.501.271
Cửa hàng XD Tam Hiệp	-	49.108.459
Cửa hàng XD Đồng Tháp, Đan Phượng, HN	6.360.757.582	1.012.071.182
Trạm dầu Đèn Lừ II	-	713.462.877
VP Xí nghiệp bán lẻ số 2	-	2.203.024.955
Dự án 438 Trần Khát Chân	576.859.364	-
Dự án khác	1.683.671.986	4.806.921.717
Cộng	21.309.733.941	27.387.684.940

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào công ty liên kết	31/12/2018 (VND)			01/01/2018 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty CP Xe khách Hà Nội (Mã CXH - Sàn UpCOM)	4.965.537.150	3.148.000.000	(1.817.537.150)	4.965.537.150	3.148.000.000	(1.817.537.150)
Cộng	4.965.537.150	3.148.000.000	(1.817.537.150)	4.965.537.150	3.148.000.000	(1.817.537.150)

Thông tin về công ty liên kết	Trụ sở hoạt động chính	Số cổ phiếu năm giữ	Vốn điều lệ (Cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Xe khách Hà Nội (Mã CXH - Sàn UpCOM)	Góc 2, Bến xe Gia Lâm, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội	393.500	1.639.460	24,0%	Vận tải liên tỉnh, xe buýt, khai thác điểm đỗ xe

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty TNHH MTV Xăng dầu khu vực I	40.417.657.509	24.944.078.039
Công ty TNHH Hải Linh	25.934.973.574	
Công ty CP Kho vận và DV Thương mại	-	996.525.200
Công ty TNHH LPK	3.002.592.450	464.483.580
Công ty TNHH MTV KDTM Xăng dầu Mippec	2.999.242.330	2.064.789.040
Công ty CP Xăng dầu Hà Sơn Bình	4.345.535.747	
Các đối tượng khác	8.949.676.620	5.752.747.972
Cộng	85.649.678.230	34.222.623.831

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty TNHH xây dựng và vận tải Nhuận Hiến	-	50.000.000
Bệnh viện Phổi Hà Nội	20.010.860	-
Doanh nghiệp tư nhân Phương Anh	26.939.906	26.939.906
Các đối tượng khác	150.491.283	103.365.201
Cộng	197.442.049	180.305.107

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.263.667.951	540.860.837
Thuế thu nhập doanh nghiệp	339.532.775	35.033.714
Thuế thu nhập cá nhân	95.582.394	55.425.912
Cộng	1.698.783.120	631.320.463

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí lãi vay	236.721.812	302.082.304
Chi phí phải trả khác	417.782.590	522.921.143
Cộng	654.504.402	825.003.447

5.16 Các khoản phải trả khác

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải trả, phải nộp ngắn hạn	4.963.007.959	8.107.787.002
Kinh phí công đoàn	165.366.580	24.191.690
Bảo hiểm xã hội	44.091.324	2.777.928
Bảo hiểm y tế	8.185.360	486.917
Bảo hiểm thất nghiệp	3.449.951	234.467
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.741.914.744	8.080.096.000
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>336.465.200</i>	<i>336.465.200</i>
<i>Công ty Cổ phần Parus (*)</i>	<i>1.645.000.000</i>	<i>1.875.000.000</i>
<i>Công ty CP Tư vấn & ĐTXD 89</i>	<i>-</i>	<i>3.288.900.000</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>2.760.449.544</i>	<i>2.579.730.800</i>
Phải trả, phải nộp dài hạn	2.131.441.316	869.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.131.441.316	869.000.000
Cộng	7.094.449.275	8.976.787.002

(*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 565/HĐHT/TRANSERCO-HFC-PARUS ngày 28/10/2014 giữa: Trung tâm TM và DV - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội (Bên A), Công ty Cổ phần Xăng dầu chất đốt Hà Nội (Bên B - nay là Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC) và Công ty Cổ phần Parus (Bên C).

Nội dung hợp tác: Đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu trên diện tích đất 1.730m² tại Dự án xây dựng bến đỗ xe kết hợp điểm trung chuyển xe buýt Yên Viên - Gia Lâm để kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm theo đăng ký kinh doanh của Bên B, thời hạn hợp tác theo Hợp đồng: 10 năm. Tổng giá trị đầu tư: 8.066.000.000 đồng, trong đó: Bên A góp 28%, Bên B góp 51% và Bên C góp 21%.

Bên B chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý, điều hành kinh doanh cửa hàng; thực hiện hạch toán kết quả kinh doanh của cửa hàng và phân chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn sau khi đã trừ đi các chi phí hợp lý, hợp lệ, hoàn trả vốn vay ngân hàng (nếu có) và nghĩa vụ thuế với Nhà nước theo quy định (không gồm thuế Thu nhập doanh nghiệp). Toàn bộ chi phí tiền thuê đất và các chi phí sử dụng đất đối với phần diện tích đất của cửa hàng do bên B chi trả và được tính vào chi phí kinh doanh của cửa hàng xăng dầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

Nội dung	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	175.900.000.000	175.900.000.000	212.000.330.000	212.000.330.000
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Hoàn Kiếm (1)	86.000.000.000	86.000.000.000	103.000.000.000	103.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Hoàn Kiếm (2)	55.000.000.000	55.000.000.000	58.000.330.000	58.000.330.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (3)	28.000.000.000	28.000.000.000	31.000.000.000	31.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Sở giao dịch	6.900.000.000	6.900.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Vay dài hạn	5.185.458.000	5.185.458.000	6.773.050.000	6.773.050.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1.665.500.000	1.665.500.000	350.000.000	350.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (4)	1.986.600.000	1.986.600.000	4.089.700.000	4.089.700.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Hoàn Kiếm	1.533.358.000	1.533.358.000	2.333.350.000	2.333.350.000
Cộng	181.085.458.000	181.085.458.000	218.773.380.000	218.773.380.000

- (1) Khoản vay theo HĐTD số 67/2015-HĐTDHM/NHCT122-XDCDHN ngày 20/07/2015, hạn mức vay 80 tỷ VND, lãi suất vay và thời hạn vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay: để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu.
- (2) Khoản vay theo HĐTD số 01/2015/4818668/HĐTDHMNH ngày 27/05/2015, hạn mức vay 10 tỷ VND, lãi suất vay và thời hạn vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay: để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu. Tài sản đảm bảo: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 7 Dã Tượng, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- (3) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng cấp tín dụng số 9697.15.002.1486666.TD, Hạn mức: 30.000.000.000 đồng, thời hạn vay không quá 03 tháng đối với mỗi lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh sản phẩm xăng, dầu. Lãi suất được xác định trên từng lần giải ngân, theo chế độ lãi suất của Ngân hàng TMCP Quân đội trong từng thời kỳ.
- (4) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 3883.15.02.1486666.TD ngày 15/04/2015, số tiền vay: 603.000.000 đồng, mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô Ford Everest, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất thả nổi, tài sản đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.18 Vốn chủ sở hữu**a) Biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại 01/01/2017	21.000.000.000	11.887.067.102	12.242.365.605	540.272.961	45.669.705.668
Lợi nhuận sau thuế	-	-	3.774.300.495	-	3.774.300.495
Tăng trong năm	39.899.990.000	241.977.569	-	555.232	40.142.522.801
Trả lại LD liên kết	-	-	(3.589.813.668)	-	(3.589.813.668)
Chia cổ tức	-	-	(3.653.999.400)	-	(3.653.999.400)
Trích lập quỹ	-	-	(483.955.138)	-	(483.955.138)
Giảm khác	-	(11.129.990.000)	(6.720.000.000)	-	(17.849.990.000)
Số dư tại 31/12/2017	60.899.990.000	999.054.671	1.568.897.894	540.828.193	64.008.770.758
Lợi nhuận sau thuế	-	-	4.403.869.088	(5.308.489)	4.398.560.599
Tăng trong năm	-	248.671.282	-	-	248.671.282
Trả lại liên doanh liên kết	-	-	(1.935.000.000)	-	(1.935.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ (*)	-	-	(497.342.564)	-	(497.342.564)
Giảm khác	-	-	(960.000.002)	-	(960.000.002)
Số dư tại 31/12/2018	60.899.990.000	1.247.725.953	2.580.424.417	535.519.704	65.263.660.074

b) Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty Xăng dầu Khu vực I	8.977.500.000	8.977.500.000
Ông Nguyễn Trọng Hậu	5.634.810.000	5.634.810.000
Các cổ đông khác	46.287.680.000	46.287.680.000
Cộng	60.899.990.000	60.899.990.000

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	60.899.990.000	21.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	39.899.990.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	60.899.990.000	60.899.990.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.895.000.001	13.963.813.068

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**d) Cổ phiếu**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.089.999	6.089.999
Cổ phiếu phổ thông	6.089.999	6.089.999
Cổ phiếu quỹ	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu.

e) Báo cáo tiến độ sử dụng vốn

Căn cứ theo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên số 001/NQ- ĐHCĐ ngày 23/04/2016 về việc tăng vốn điều lệ từ 21.000.000.000 đồng lên 60.899.990.000 đồng.

Căn cứ vào tình hình thực tế đầu tư, số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 21.000.000.000 đồng lên 60.899.990.000 đồng, Công ty đã sử dụng vốn đến 31/12/2018 như sau:

Nội dung	Kế hoạch VND	Vốn đã sử dụng VND
Dự án đầu tư cửa hàng xăng dầu Tam Hiệp, diện tích 4.100m ²	7.094.000.000	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng
Đầu tư cửa hàng xăng dầu tại xã Đồng Tháp, huyện Đan Phượng, HN diện tích 3.300m ² (*)	14.956.000.000	6.360.757.582
Cộng	22.050.000.000	6.360.757.582

5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán xăng dầu	2.271.389.208.732	1.905.238.431.534
Doanh thu dịch vụ ăn uống	4.509.892.973	-
Doanh thu vận tải	256.000.260	-
Doanh thu cho thuê cửa hàng, ki ốt	2.902.363.641	3.314.181.816
Cộng	2.279.057.465.606	1.908.552.613.350

5.20 Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn bán xăng dầu	2.162.934.234.206	1.817.892.150.798
Giá vốn dịch vụ ăn uống	4.076.325.708	-
Giá vốn vận tải	205.568.209	-
Giá vốn cho thuê cửa hàng, ki ốt	1.724.079.513	1.595.540.578
Cộng	2.168.940.207.636	1.819.487.691.376

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi	18.355.869	21.237.675
Cộng	18.355.869	21.237.675

5.22 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi vay	12.079.297.662	11.042.657.928
Phí bảo lãnh	1.219.010.364	987.951.402
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	-	1.180.500.000
Cộng	13.298.308.026	13.211.109.330

5.23 Thu nhập và chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập khác	279.980.738	666.008.174
Nhượng lại cửa hàng kinh doanh	-	480.000.000
Hoàn nhập chi phí thuê đất	-	-
Cho thuê xe oto	-	-
Thu nhập khác	279.980.738	186.008.174
Chi phí khác	833.265.540	1.755.192.661
Phạt theo biên bản thanh tra, kiểm tra	379.677.906	469.420.472
Giá trị còn lại cửa hàng kinh doanh	-	733.630.790
Chi phí khấu hao xe	352.283.283	-
Chi phí khác	101.304.351	552.141.399
Lợi nhuận khác	(553.284.801)	(1.089.184.487)

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.779.735.965	6.807.179.777
Điều chỉnh tăng (chi phí không được trừ)	699.944.474	744.880.794
Điều chỉnh giảm (lãi liên danh liên kết)	3.074.833.000	3.589.813.669
Thu nhập chịu thuế	4.404.847.439	3.962.246.902
Thuế suất hiện hành		20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.067.769.397	792.449.380
Thuế TNDN phải nộp theo Quyết định của cơ quan thuế	1.313.405.968	278.555.272
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.381.175.365	1.071.004.652

5.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.403.869.088	3.774.300.495
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	248.671.282	241.977.569
Lợi nhuận (Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.155.197.806	3.532.322.926
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	6.089.999	5.346.657
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	682,30	660,66

5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	10.523.914.571	9.611.792.541
Chi phí nhân công	47.897.196.682	37.328.474.972
Khấu hao tài sản cố định	8.651.756.684	6.479.144.720
Thuế, phí và lệ phí	309.438.512	156.460.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.951.343.622	25.144.108.753
Chi phí khác bằng tiền	29.342.261.848	25.436.812.794
Cộng	120.675.911.919	104.156.794.055

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch với nhân sự chủ chốt**

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2018	Năm 2017
Hội đồng QT và Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát	Lương, thù lao	2.744.017.223	1.684.973.804

6.2 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: kinh doanh xăng dầu, vận chuyển xăng dầu và lĩnh vực khác gồm có cho thuê cửa hàng, ki ốt, kinh doanh nhà hàng và dịch vụ khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2018 Ghi chú: Số liệu tài sản và nợ phải trả là số liệu riêng của từng đơn vị, chưa được loại trừ cho mục đích hợp nhất):

NĂM 2018	Kinh doanh xăng, dầu	Kinh doanh vận tải	Kinh doanh dịch vụ khác	Cộng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định và XDCB	71.306.739.033	9.332.189.931	-	80.638.928.964
Hàng tồn kho	14.342.074.763	204.339.709	114.185.393	14.660.599.865
Nợ phải thu	207.548.494.832	804.375.179	411.196.506	208.764.066.517
Tài sản không thể phân bổ	50.831.871.971	1.394.551.436	460.974.904	52.687.398.311
Tổng tài sản:	344.029.180.599	11.735.456.254	986.356.803	356.750.993.656
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả người bán	85.095.384.363	666.536.560	440.457.140	86.202.378.063
Vay ngắn hạn và dài hạn	177.590.558.000	3.494.900.000	-	181.085.458.000
Phải trả khác không phân bổ	13.474.863.424	2.615.503.916	3.474.670.735	19.565.038.075
Tổng nợ phải trả:	276.160.805.787	6.776.940.477	3.915.127.875	286.852.874.138

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018 như sau:

NĂM 2018	Kinh doanh xăng, dầu	Kinh doanh vận tải	Kinh doanh dịch vụ khác	Cộng
Tổng doanh thu	2.276.837.443.287	18.368.608.809	8.507.538.240	2.303.713.590.336
Thu nhập hoạt động tài chính và thu nhập khác				(163.612.432)
Giá vốn	2.153.836.929.720	14.751.107.248	6.171.721.722	2.174.759.758.690
Chi phí hoạt động kinh doanh khác				122.010.483.249
Lợi nhuận kế toán trước thuế				6.779.735.965
Thuế thu nhập doanh nghiệp				2.381.175.365
Lợi nhuận trong năm				4.398.560.600

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Lan

Phạm Thị Liên Hương

Nguyễn Trọng Hậu

